

# Bài 1

## LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC

### Nội dung

Trong bài này, người học sẽ được tiếp cận các nội dung:

- Nguồn gốc ra đời của Nhà nước;
- Bản chất và chức năng của Nhà nước;
- Kiểu nhà nước;
- Hình thức nhà nước.

### Mục tiêu

Xác định được nguồn gốc ra đời của Nhà nước

- Xác định được bản chất, chức năng của Nhà nước.
- Xác định được các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử nhân loại.

### Hướng dẫn học

Để học tốt bài này sinh viên cần:

- Học đúng lịch trình của môn học theo tuần, làm các bài luyện tập đầy đủ và tham gia thảo luận trên diễn đàn.
- Đọc tài liệu:
  - Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2015.
  - Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Khoa Luật, TS Nguyễn Thị Huế (chủ biên), Giáo trình Đại cương về Nhà nước và pháp luật, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, năm 2017.
- Sinh viên làm việc theo nhóm và trao đổi với giảng viên trực tiếp tại lớp học hoặc qua email.
- Trang web môn học.

## TÌNH HUỐNG DẪN NHẬP

### Quan niệm về bản chất nhà nước

Cái làm cho sự vật, hiện tượng tồn tại như chính nó được xác định là bản chất. Bản chất của sự vật, hiện tượng là cái tuyệt đối trong khi nhận thức của con người ta chỉ là tương đối. Bản chất của sự vật, hiện tượng được phản ánh tương ứng với những thang bậc nhận thức của con người được triết học xác định là “bản chất cấp một”, “bản chất cấp hai”... Do không nắm được những nguyên lý cơ bản của lý luận nhận thức ấy mà có giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật đã nêu đến “ba” bản chất của Nhà nước kiểu mới, gồm bản chất giai cấp công nhân, bản chất dân chủ và bản chất là tổ chức có chức năng chủ yếu là sáng tạo, xây dựng xã hội mới.

Bản chất của Nhà nước còn là vấn đề chính trị, nó được giải thích dưới sự chi phối của những lợi ích chính trị khác nhau. Đã một thời các luật gia, những nhà chính luận tư sản ra sức đề cao những giá trị xã hội của Nhà nước tư sản, che mờ tính chất giai cấp của Nhà nước, trong khi lý luận về nhà nước xã hội chủ nghĩa lại tuyệt đối hóa tính chất giai cấp của Nhà nước, rất ít coi trọng nghiên cứu và phát huy những chức năng xã hội của Nhà nước.

Nhà nước là những hiện tượng hết sức phức tạp, trước hết là phức tạp về bản chất. Bản chất của Nhà nước là tổng hòa của những thuộc tính được hình thành trong quá trình tồn tại, phát triển của nó, và được biểu hiện ra trong toàn bộ các quan hệ của nó với xã hội, với giai cấp, dân tộc, với các quốc gia khác trong các quan hệ chính trị quốc tế. Tính chất và nội dung của những quan hệ ấy cũng là yếu tố quy định bản chất của Nhà nước. Có những thuộc tính có tính phổ biến ở tất cả các nhà nước, như thuộc tính về chủ quyền, về quyền lực... Song, có những thuộc tính, những mối quan hệ mà tính chất và nội dung của nó quy định sự khác biệt giữa bản chất của kiểu nhà nước này với bản chất của kiểu nhà nước khác.

Nhà nước ta, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, xét về bản chất đã là nhà nước thuộc kiểu xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã trải qua những giai đoạn phát triển khác nhau, từ nhà nước dân chủ nhân dân có sứ mệnh thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân lên nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa, với sứ mệnh thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, và giờ đang trong quá trình chuyển thành nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Gắn với ba trình độ phát triển ấy là sự hình thành ngày càng đầy đủ, ngày càng sâu sắc hơn những thuộc tính làm lên bản chất kiểu mới của Nhà nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa hiện nay nhà nước cũng như bất kỳ thiết chế nào khác đều phải đứng trước những nguy cơ, thách thức lớn, thậm chí có thể bị thay đổi bản chất. Điều đó cũng đồng nghĩa với sự thay đổi chế độ, đảo lộn thể chế và định hướng phát triển. Trong điều kiện như vậy việc nhận thức bản chất của Nhà nước nhằm giữ vững bản chất tốt đẹp của Nhà nước đặt ra những vấn đề có tính phương pháp luận sau:

- Những thuộc tính, những mối quan hệ, cái tạo thành và thể hiện bản chất của Nhà nước không phải là bất biến; có thể có những thuộc tính mới xuất hiện, những nội dung của các thuộc tính, tính chất và nội dung của các mối quan hệ bản chất có thể thay đổi cùng với quá trình phát triển của Nhà nước, theo sự thích ứng của nó trước những biến đổi sâu sắc của xã hội, của thời đại. Trong sự thích ứng ấy, vai trò của nhân tố chủ quan, trước hết là vai trò của đảng cầm quyền có ý nghĩa quyết định.

- Những thuộc tính tạo thành bản chất của Nhà nước không tồn tại độc lập với nhau mà quan hệ tương tác với nhau; tính chất và nội dung của các mối quan hệ bản chất đó vừa thể hiện bản chất của Nhà nước, vừa là cái phân biệt bản chất của các kiểu nhà nước, giữa kiểu nhà nước bóc lột (nhà nước kiểu cũ) với nhà nước kiểu mới, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Các nhà nước cho dù là nhà nước nào cũng có tính (thuộc tính) giai cấp, tính xã hội, song trong nhà nước kiểu cũ tính giai cấp và tính xã hội đối lập nhau; tính giai cấp càng sâu sắc thì tính xã hội càng bị thu hẹp, nhà nước của thiểu số bóc lột ngày càng đối lập gay gắt với xã hội, với đa số nhân dân. Ngược lại, trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, tính giai cấp công nhân càng sâu sắc thì tính xã hội ngày càng rộng rãi, nhà nước do Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo song là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tính dân tộc cũng là một thuộc tính của Nhà nước, bởi giai cấp thống trị nhà nước cũng là giai cấp đại diện cho dân tộc trong quan hệ với các dân tộc khác, thông qua nhà nước để bảo vệ lợi ích của dân tộc mà nó đại diện. Song, tính dân tộc của Nhà nước kiểu cũ luôn đối lập với tính quốc tế. Nhà nước kiểu cũ trong khi đề cao lợi ích của dân tộc mà nó đại diện thì lại coi thường, chà đạp lợi ích của dân tộc khác, trở thành nhà nước sô vanh, nhà nước bành trướng. Ngược lại, nhà nước kiểu mới trong khi coi trọng, bảo vệ lợi ích của dân tộc mình thì luôn ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, thực hiện đường lối đối ngoại tích cực trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng có lợi giữa các dân tộc.

**PGS.TS. LÊ VĂN HÒE – Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia**

*TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LẬP PHÁP ĐIỆN TỬ*

*Trích dẫn từ: [http://www.nclp.org.vn/nha\\_nuoc\\_va\\_phap\\_luat/giu-vung-ban-chat-nha-nuoc-trong-boi-canhh-kinh-te-thi-truong-va-toan-cau-hoa](http://www.nclp.org.vn/nha_nuoc_va_phap_luat/giu-vung-ban-chat-nha-nuoc-trong-boi-canhh-kinh-te-thi-truong-va-toan-cau-hoa)*



1. Nguyên nhân nào dẫn đến sự ra đời của Nhà nước?
2. Bản chất của Nhà nước được biểu hiện như thế nào?
3. Hình thức nhà nước, các yếu tố cấu thành hình thức nhà nước? Hình thức nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
4. Quyền lực nhà nước là gì? Tại sao phải có quyền lực nhà nước?

## 1.1. Nguồn gốc, bản chất và chức năng của Nhà nước

### Khái niệm Nhà nước

Nhà nước là một hiện tượng xã hội đa dạng và phức tạp được nhiều ngành khoa học nghiên cứu ở các góc độ, phạm vi khác nhau và cũng có nhiều quan niệm khác nhau về Nhà nước.

Aristote cho rằng: Nhà nước là sự kết hợp của các gia đình. Một số tác giả khác lại cho rằng: Nhà nước là một đơn vị chính trị độc lập, có một vùng lãnh thổ được công nhận là dưới quyền thống trị của nó<sup>1</sup>. Nhà nước là một tổ chức quyền lực chính trị của xã hội có giai cấp, có lãnh thổ, dân cư và chính quyền độc lập, có khả năng đặt ra và thực thi pháp luật nhằm thiết lập trật tự xã hội nhất định trong phạm vi lãnh thổ của mình<sup>2</sup>. I Kant lại cho rằng: Nhà nước là sự liên kết của nhiều người phục tùng pháp luật. Nhà nước là trong tư tưởng là cái gì đó phải phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật. Một số học giả khác lại cho rằng: Nhà nước hiểu theo nghĩa rộng là một tập hợp các thể chế nắm giữ phương tiện cưỡng chế hợp pháp, thi hành trên một vùng lãnh thổ được xác định và người dân sinh sống trong xã hội đó được đề cập đến như một xã hội<sup>3</sup>.

Khi nghiên cứu về nguồn gốc nhà nước, Ăngghen đã đưa ra một số quan niệm về nhà nước. Ông cho rằng: Nhà nước là sản phẩm của xã hội đã phát triển đến một giai đoạn nhất định, khi xã hội đã phân chia thành giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, Nhà nước là lực lượng nảy sinh từ xã hội nhưng lại đứng trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu bớt sự xung đột và làm cho nó nằm trong vòng trật tự<sup>4</sup>.

Phát triển quan điểm của Ăngghen về nhà nước, Lênin cho rằng: Nhà nước bao giờ cũng là một bộ máy nhất định, nó tự tách ra từ xã hội và gồm một nhóm người chỉ chuyên hay chủ yếu chỉ chuyên làm công tác cai trị xã hội<sup>5</sup>.

Như vậy, có nhiều cách tiếp cận và nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm nhà nước. Nhà nước là một hiện tượng đa dạng, phức tạp. Nhà nước là một hình thức tổ chức của con người, nhà nước là một bộ phận của xã hội. Nhà nước được tổ chức ra để quản lý và điều hành xã hội.

Từ đó có thể đưa ra khái niệm về nhà nước như sau: *Nhà nước là tổ chức quyền lực đặc biệt của xã hội, bao gồm một lớp người được tách ra từ xã hội để chuyên thực thi quyền lực, nhằm tổ chức và quản lý xã hội, phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội cũng như lực lượng cầm quyền trong xã hội*<sup>6</sup>.

### 1.1.1. Nguồn gốc của Nhà nước

Lịch sử tư tưởng pháp lý của nhân loại đã có nhiều cách tiếp cận khác nhau và có các cách lý giải không giống nhau về nguồn gốc của Nhà nước.

<sup>1</sup> Nicholas Bates, Margaret Bates, Carolyn Walker, Legal studies for Victoria, Butterwoths – 1995, tr9

<sup>2</sup> Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Từ điển Luật học, NXB Từ điển bách khoa – NXB Tư pháp, Hà Nội 2006, tr584

<sup>3</sup> Ngân hàng thế giới: Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi, Báo cáo về tình hình thế giới năm 1997, NXB Chính trị quốc gia, 1998, tr34

<sup>4</sup> Mác- Ăngghen toàn tập, Tập 21, NXB Chính trị quốc gia, 2004, tr253

<sup>5</sup> Lênin toàn tập, tập 39, NXB Tiến bộ, 1976, tr84

<sup>6</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, NXB Tư Pháp, 2016, tr 25

Các nhà tư tưởng theo chủ nghĩa duy tâm cho rằng: Nhà nước là hiện thực của ý niệm đạo đức, là hiện tượng lý tính, là sản phẩm của tư duy con người, do con người nghĩ ra và đặt tên cho nó<sup>7</sup>.

Các nhà tư tưởng theo thuyết thần học đã có giải thích về sự xuất hiện của Nhà nước theo đó, Nhà nước như là một lực lượng siêu tự nhiên. Là sản phẩm do thượng đế tạo ra để duy trì và ổn định trật tự xã hội, quyền lực của Nhà nước là bất biến, Nhà nước tồn tại vĩnh cửu. Do đó, con người có nghĩa vụ phải phục tùng vô hạn đối với Nhà nước, bởi phục tùng nhà nước chính là phục tùng thượng đế.

Các nhà tư tưởng theo thuyết gia trưởng lại cho rằng: Nhà nước là kế tục sự phát triển tự nhiên của tổ chức gia đình trên bình diện xã hội. Đó chính là phương thức tổ chức đời sống của con người. Do đó, Nhà nước là một hiện tượng khách quan tồn tại cùng với sự phát triển của con người, là một hiện tượng tự nhiên của xã hội. Nhà nước có trong mọi xã hội và quyền lực nhà nước cũng giống như quyền gia trưởng của người đứng đầu gia đình.

Các nhà tư tưởng theo thuyết bạo lực thì cho rằng: Nhà nước xuất hiện trực tiếp từ việc sử dụng bạo lực của thị tộc này đối với thị tộc khác mà kết quả là thị tộc chiến thắng lập ra một hệ thống cơ quan đặc biệt gọi là Nhà nước để nô dịch kẻ chiến bại. Bởi xã hội là tập hợp của những cá nhân riêng lẻ, không giống nhau và thường xuyên có xung đột về lợi ích, quyền lực, điều đó dẫn đến các cuộc chiến tranh giữa các thị tộc. Kẻ chiến thắng trong cuộc chiến tranh đó lập ra Nhà nước để đảm bảo sự cân bằng xã hội.

Các nhà tư tưởng tư sản đã lý giải về nguồn gốc của Nhà nước không phụ thuộc vào các quan điểm tôn giáo mà cho rằng: Nhà nước là kết quả hay khế ước (hợp đồng) xã hội. Đây là sự thỏa thuận giữa những con người sống trong trạng thái tự nhiên của xã hội (vốn có các quyền được sống, tự do, bình đẳng, sở hữu tài sản,... là các quyền tự nhiên, thiêng liêng và bất khả xâm phạm) với tổ chức được giao quyền lực công gọi là Nhà nước để thay mặt họ quản lý xã hội. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, vì lợi ích của nhân dân. Trong trường hợp nhà nước không giữ được vai trò của mình thì khế ước sẽ mất hiệu lực, nhân dân có quyền lật đổ nhà nước và thiết lập khế ước mới.

Trong xã hội tư bản, các học giả tư sản đã cố gắng tìm kiếm và lý giải về nguồn gốc của Nhà nước. Tuy nhiên, cách lý giải về nguồn gốc nhà nước còn thể hiện sự phiến diện, thiếu khách quan, do chưa đề cập đến bản chất giai cấp vốn có của Nhà nước. Dẫn đến các lý giải về nguồn gốc của Nhà nước thiếu cơ sở khoa học và độ tin cậy.

Theo học thuyết Mác – Lênin, Nhà nước không phải là hiện tượng xã hội vĩnh cửu, bất biến. Nhà nước không phải là lực lượng do con người tự nghĩ ra hay được áp đặt từ bên ngoài vào xã hội. Nhà nước là một lực lượng xuất hiện một cách khách quan do nhu cầu của xã hội và khi xã hội đã phát triển đến một giai đoạn nhất định. Nhà nước là một phạm trù lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong. *Nhà nước là sản phẩm của xã hội*, nó xuất hiện khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định với những nguyên nhân khách quan. Nhà nước sẽ diệt vong khi những nguyên nhân khách quan ấy không còn nữa.

- Chế độ cộng sản nguyên thủy

<sup>7</sup>Heghen, Các nguyên lý của triết học pháp quyền, Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, NXB Tri thức trẻ, 2010, tr285.

Chế độ cộng sản nguyên thủy là tổ chức xã hội đầu tiên của loài người, xuất hiện trên cơ sở con người tiến hóa từ động vật bậc cao qua lao động và ngôn ngữ.

Về mặt kinh tế, nền kinh tế tự nhiên nguyên thủy rất thấp kém, dựa trên cơ sở chế độ sở hữu chung của cộng đồng về tư liệu sản xuất. Công cụ lao động chủ yếu là những thứ do tự nhiên mang lại như gỗ, đá. Chế độ sở hữu của xã hội cộng sản nguyên thủy đã quyết định đối với đặc điểm quá trình lao động của người nguyên thủy hoàn toàn mang tính tự nhiên, chưa có yếu tố phân công lao động xã hội. Các thành viên trong cộng đồng cùng lao động thông qua các hoạt động săn bắn, hái lượm một cách tự giác, phụ thuộc vào năng lực của mỗi người. Con người nguyên thủy sống hoàn toàn dựa vào tự nhiên. Với phương thức lao động đó nên nguyên tắc phân phối sản phẩm tương ứng giữa các thành viên là hoàn toàn bình đẳng, các thành viên cùng lao động và cùng hưởng thụ những thành quả lao động của cộng đồng.

Về mặt xã hội, tổ chức xã hội của người nguyên thủy là tàn dư của lối sống quần cư, huyết thống, hoang dã, mông muội, chưa có giai cấp, chưa có nhà nước và pháp luật. Để chống chọi với tự nhiên và tồn tại, con người phải liên kết và nương tựa vào nhau. Do vậy, mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng nguyên thủy có tính chất bền vững. Các thành viên xã hội không có sự khác biệt nhau về lợi ích kinh tế, địa vị xã hội. Sự bình đẳng tuyệt đối về mọi mặt của các thành viên trong xã hội nguyên thủy được thể hiện rất rõ nét. Đơn vị cơ sở tổ chức xã hội là thị tộc, bào tộc và bộ lạc.

Thị tộc là nhóm người chung sống cùng nhau dựa trên cơ sở huyết thống. Trong thị tộc có các trưởng lão, thủ lĩnh quân sự và tù trưởng. Các thành viên trong thị tộc hợp lại thành Hội đồng thị tộc. Hội đồng thị tộc quyết định những vấn đề quan trọng của thị tộc, là cơ quan quyền lực cao nhất của thị tộc, mặc dù thế, hội đồng thị tộc cũng không tách khỏi cộng đồng hay đứng trên cộng đồng. Hội đồng bào tộc là cơ quan quyền lực cao nhất, bao gồm các trưởng lão, thủ lĩnh quân sự, tù trưởng của các thị tộc trong bào tộc. Hội đồng bào tộc quyết định những vấn đề quan trọng của bào tộc. Bộ lạc là đơn vị xã hội lớn nhất của người nguyên thủy. Bộ lạc có lãnh địa riêng và thậm chí có cả thổ ngữ riêng, mặc dù tính bầy đàn trong lối sống của người nguyên thủy vẫn phổ biến.

Về mặt quyền lực, trong xã hội nguyên thủy, quyền lực xã hội là quyền lực chung của cộng đồng, phục vụ cho các mục đích chung của cả cộng đồng. Quyền lực trong xã hội nguyên thủy không thuộc về cá nhân hay nhóm cá nhân nào mà hòa nhập vào cộng đồng. Mọi thành viên trong các đơn vị xã hội nguyên thủy đều có quyền và lợi ích ngang nhau, không ai có bất kỳ đặc quyền, đặc lợi nào so với các chủ thể khác.

Xã hội nguyên thủy với những đặc trưng vốn có chưa hội tụ đủ các yếu tố để nhà nước ra đời. Theo Lênin: Khi đó không có Nhà nước, không có bộ máy đặc biệt để dùng bạo lực một cách có hệ thống và bắt buộc người ta phải dùng bạo lực<sup>8</sup>. Nhà nước chỉ ra đời khi xã hội đã phát triển đến một giai đoạn nhất định.

- Sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy và sự xuất hiện nhà nước

<sup>8</sup> V.I. Lê nin toàn tập, tập 39, NXB Tiến Bộ. 1977, tr80



Xã hội nguyên thủy dần tiến hóa do nhận thức của con người nguyên thủy ngày một phát triển. Xã hội nguyên thủy trải qua 3 lần phân công lao động xã hội lớn:

- Lần phân công lao động xã hội thứ nhất: Nghề chăn nuôi tách khỏi trồng trọt, đây là cơ sở để xuất hiện mầm mống của chế độ tư hữu do con người nguyên thủy đã chủ động hơn trong việc tạo ra nguồn lương thực phục vụ nhu cầu sống của mình mà không sống hoàn toàn lệ thuộc vào tự nhiên như trước đó nữa. Do xã hội đã xuất hiện những sản phẩm dư thừa, đồng thời cũng xuất hiện nhu cầu chiếm giữ sản phẩm dư thừa đó. Hiện tượng đó đã làm cho xã hội phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, quan hệ xã hội dần biến đổi, chế độ chiếm hữu nô lệ dần xuất hiện. Chế độ hôn nhân quần hôn, cận huyết dần được thay thế bằng chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Gia đình cá thể đã trở thành lực lượng đang đe dọa thị tộc<sup>9</sup>.
- Lần phân công lao động xã hội thứ hai, thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp do sự kiện con người tìm ra kim loại và biết sử dụng kim loại để chế tạo công cụ lao động, năng suất lao động xã hội ngày một tăng lên. Sau lần phân công lao động xã hội thứ hai, quá trình phân hóa xã hội diễn ra ngày một mạnh mẽ. Nô lệ đã trở thành một lực lượng xã hội với số lượng ngày càng lớn, sự phân biệt giữa kẻ giàu, người nghèo ngày càng sâu sắc, đối kháng giai cấp ngày càng gia tăng.
- Lần phân công lao động xã hội thứ ba, nền sản xuất hàng hóa và tiền tệ ra đời, thương mại phát triển, tầng lớp thương nhân xuất hiện làm cho quá trình tích tụ và tập trung của cải vật chất vào tay một số người giàu có diễn ra nhanh chóng. Điều đó thúc đẩy sự bản cùng hóa và sự tăng nhanh của số lượng người nghèo. Số lượng nô lệ ngày càng tăng mạnh cùng với đó là sự cưỡng bức, bóc lột ngày càng nặng nề của giai cấp chủ nô.

Như vậy, sau ba lần phân công lao động xã hội, nhiều yếu tố mới xuất hiện đã làm đảo lộn đời sống thị tộc, chế độ thị tộc đã tỏ ra bất lực. Đứng trước sự biến đổi lớn của xã hội với khối đông dân cư không thuần nhất đó, những cộng đồng thị tộc vốn dĩ là những tổ chức khép kín không thể đứng vững được. Bởi tổ chức thị tộc sinh ra từ xã hội không biết đến mâu thuẫn nội tại, chỉ thích hợp với kiểu xã hội đó thì nay, khi xã hội mới xuất hiện – xã hội mà ở đó đã phân chia thành các giai cấp đối kháng nhau, luôn mâu thuẫn và đấu tranh gay gắt với nhau để bảo vệ lợi ích của giai cấp mình, tổ chức thị tộc bất lực, không thể phù hợp được nữa. Thực trạng của xã hội đó đòi hỏi phải có một tổ chức mới đủ sức mạnh để dập tắt cuộc xung đột công khai giữa các giai cấp đối kháng, làm cho cuộc đấu tranh của các giai cấp đó diễn ra trong lĩnh vực kinh tế, dưới hình thức hợp pháp. Tổ chức đó là Nhà nước.

Như vậy, Nhà nước chỉ xuất hiện trong xã hội đã có các giai cấp đối kháng, làm dịu bớt sự xung đột giai cấp, giữa cho sự xung đột đó nằm trong vòng trật tự. Nhà nước xuất hiện bởi những đòi hỏi khách quan của đời sống xã hội.

Như vậy, nguyên nhân trực tiếp của sự xuất hiện nhà nước là *mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được*. V.I.Lênin nhận định: *Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, thì nhà nước*

<sup>9</sup> C.Mac – Anghen tuyển tập, tập 6, NXb Sự thật, Hà Nội, 1984, tr 260

xuất hiện. Và ngược lại: sự tồn tại của Nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hòa được<sup>10</sup>. Nhà nước chỉ ra đời, tồn tại trong một giai đoạn nhất định của sự phát triển xã hội và sẽ mất đi khi những cơ sở tồn tại của nó không còn nữa.

### 1.1.2. Bản chất của Nhà nước

Bản chất nhà nước là tổng thể những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ cơ bản bên trong, tương đối ổn định và có tính quy định đối với sự ra đời, tồn tại, khuynh hướng phát triển của Nhà nước. Thông thường, khi xem xét bản chất của Nhà nước người ta thường xem xét các thuộc tính và mối liên hệ giữa hai thuộc tính giai cấp và tính xã hội.

- Về tính giai cấp của Nhà nước

Tính giai cấp của Nhà nước thể hiện ở chỗ, Nhà nước là bộ máy đặc biệt do giai cấp cầm quyền (thống trị về mặt kinh tế) trong xã hội tổ chức ra. Quyền lực của Nhà nước thuộc về giai cấp cầm quyền, được sử dụng với mục đích trước hết là bảo vệ lợi ích và vị thế của giai cấp cầm quyền. Bất kỳ nhà nước nào cũng thể hiện thuộc tính giai cấp. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, sự tương quan lực lượng giữa các giai cấp trong xã hội mà mức độ biểu hiện tính giai cấp ở mỗi nhà nước là khác nhau.

Theo nguyên lý chung, khi một giai cấp có đủ điều kiện và sức mạnh trở thành giai cấp thống trị thì nó sẽ tự mình tổ chức ra bộ máy nhà nước và nắm lấy quyền lực nhà nước để bảo vệ vị thế và lợi ích của giai cấp mình<sup>11</sup>.

Tính giai cấp của Nhà nước là thuộc tính cơ bản, nổi trội của Nhà nước. Xét về bản chất, Nhà nước bao giờ cũng thuộc về một giai cấp nhất định, đó là giai cấp cầm quyền. Chính vì vậy, Nhà nước mang bản chất của giai cấp thống trị xã hội. Không có Nhà nước phi giai cấp hoặc Nhà nước mang bản chất của nhiều giai cấp.

Nhà nước là tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị. Giai cấp thống trị sử dụng nhà nước để tổ chức và thực hiện quyền lực chính trị của giai cấp mình và tổ chức xã hội theo một trật tự hợp lý. Thông qua nhà nước, ý chí của giai cấp thống trị được tập trung, thống nhất và hợp pháp hóa thành ý chí của Nhà nước. Do vậy, Nhà nước trước hết phản ánh bản chất của giai cấp thống trị - Nhà nước mang bản chất của giai cấp thống trị.

Trong xã hội hiện đại, sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, sự phát triển của nhận thức về dân chủ và văn minh đã tác động đến Nhà nước, đòi hỏi Nhà nước phải có những thay đổi để thích nghi với điều kiện mới. Do vậy, tính giai cấp của Nhà nước cũng có những biến đổi nhất định so với trước đây.

- Về tính xã hội của Nhà nước

Xét về nguồn gốc, Nhà nước sinh ra không phải chỉ vì nhu cầu thống trị giai cấp mà trước hết là bởi nhu cầu quản lý xã hội. Nhà nước là đại diện chính thức của toàn xã hội, vì thế, ở mức độ này hay mức độ khác, nhà nước phải có trách nhiệm độc lập,

<sup>10</sup>V.I. Lenin toàn tập, tập 39. NXB Tiến Bộ, Mac - Anghen toàn tập, tập VI, NXB Sự thật 198

<sup>11</sup>Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, NXB Công an nhân dân 2015, tr. 29.



thực hiện và bảo vệ các lợi ích cơ bản, lâu dài của quốc gia, dân tộc và công dân của mình. Do đó, Nhà nước ngoài tư cách là công cụ để bảo đảm sự thống trị của giai cấp cầm quyền còn thiết lập thiết chế quyền lực công giải quyết các vấn đề chung của toàn xã hội. Nhà nước sẽ không thể tồn tại nếu nhà nước chỉ bảo vệ lợi ích của duy nhất giai cấp cầm quyền mà không quan tâm đến việc bảo vệ lợi ích cơ bản của các giai tầng khác trong xã hội. Nhà nước huy động và tập hợp mọi tầng lớp, lực lượng trong xã hội vào việc thực hiện các nhiệm vụ chung để bảo vệ chủ quyền, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, duy trì trật tự xã hội, giải quyết các vấn đề phát sinh trong nội bộ đất nước và liên quan đến các quốc gia, các tổ chức quốc tế khác.

Tính xã hội của Nhà nước phản ánh nhu cầu khách quan thuộc về bản chất của Nhà nước. Tuy nhiên, mức độ và phạm vi của nó được biểu hiện ở mỗi kiểu nhà nước, ở mỗi nhà nước là khác nhau phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Theo quy luật chung, cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, tính xã hội của Nhà nước ngày càng mở rộng, sự giới hạn quyền lực nhà nước ngày càng được xác định rõ ràng, minh bạch, công khai hơn, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ngày càng thực hiện có hiệu quả hơn và quá trình xã hội hóa một số hoạt động của Nhà nước ngày càng diễn ra mạnh mẽ hơn<sup>12</sup>. Mặc dù thế, vai trò của Nhà nước ngày càng được khắc họa rõ nét hơn, bởi xu thế phát triển chung của xã hội, xu thế toàn cầu hóa, hội nhập làm cho trách nhiệm của Nhà nước ngày một nặng nề hơn. Có nhiều vấn đề không chỉ là câu chuyện của quốc gia mà đã được quốc tế hóa, chẳng hạn như vấn đề về việc làm, về lao động, về bảo vệ môi trường, về bảo đảm các quyền con người, về đầu tranh phòng, chống tội phạm...

### **Đặc trưng của Nhà nước**

Đặc trưng cơ bản của Nhà nước là các yếu tố cơ bản để nhận diện nhà nước, phân biệt nhà nước với các tổ chức khác trong xã hội. Mặc dù mỗi kiểu nhà nước đều có những bản chất riêng, nhưng chúng đều có những đặc trưng cơ bản sau đây:

*Thứ nhất, Nhà nước thiết lập quyền lực công đặc biệt, thực hiện quyền lực thông qua bộ máy cai trị*

Khác với tất cả các tổ chức khác trong xã hội, Nhà nước là tổ chức duy nhất có bộ máy hùng mạnh, bao gồm một hệ thống các cơ quan có tổ chức chặt chẽ với đội ngũ công chức đông đảo. Bộ máy nhà nước của một nhà nước luôn được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Bộ máy nhà nước có chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động của tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình, nhà nước trao cho bộ máy của mình những quyền năng đặc biệt. Các chức năng này được vận hành thông qua hoạt động của các công chức trên cơ sở hoạt động phân công lao động một cách hợp lý. Đội ngũ công chức trong bộ máy nhà nước là lớp người đặc biệt, tách ra khỏi khu vực sản xuất kinh doanh trực tiếp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và chức trách được phân công trong bộ máy nhà nước.

*Thứ hai, Nhà nước phân chia lãnh thổ thành các đơn vị hành chính và thực hiện quản lý dân cư theo lãnh thổ*

---

<sup>12</sup> Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật, NXB Công an nhân dân 2015, tr.32

Hai yếu tố căn bản nhất của Nhà nước và quyền lực nhà nước là dân cư và lãnh thổ. Nhà nước quản lý dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ. Việc nhà nước phân chia lãnh thổ thành các đơn vị hành chính tạo ra khả năng để tổ chức bộ máy nhà nước một cách chặt chẽ và thống nhất với sự phân công, phân cấp trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước. Việc xuất hiện các đơn vị hành chính trong nhà nước không phụ thuộc vào yếu tố huyết thống, chính kiến, giới tính, độ tuổi hay nghề nghiệp. Cấu trúc đơn vị hành chính lãnh thổ của Nhà nước được xác lập dựa trên cơ sở điều kiện tự nhiên và xã hội. Ở mỗi nhà nước khác nhau, việc xác lập các đơn vị hành chính để quản lý dân cư là không giống nhau.

*Thứ ba, Nhà nước đại diện cho chủ quyền quốc gia*

Chủ quyền quốc gia là quyền tối cao trong đối nội và độc lập trong đối ngoại của Nhà nước mà không chịu sự áp đặt từ bên ngoài, do vậy, chủ quyền quốc gia mang nội dung chính trị pháp lý, được đảm bảo thực hiện bằng hệ thống pháp luật của Nhà nước. Luật pháp quốc tế hiện đại cũng thừa nhận một quốc gia độc lập, có chủ quyền là thành viên của Liên hiệp quốc có tư cách bình đẳng. Chủ quyền quốc gia là thuộc tính không thể chia cắt của Nhà nước. Với tư cách là đại diện chính thức của toàn xã hội, nhà nước là tổ chức duy nhất được trao quyền và trách nhiệm về tuyên bố và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

*Thứ tư, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật*

Pháp luật được xác định là phương tiện quan trọng nhất để tổ chức và quản lý xã hội. Trong xã hội có nhà nước, chỉ duy nhất nhà nước có quyền ban hành pháp luật. Hoạt động xây dựng pháp luật nhằm tạo lập nên một hệ thống quy phạm làm chuẩn mực điều chỉnh đời sống xã hội. Bằng quyền lực nhà nước, nhà nước tạo ra hệ thống các quy phạm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, đồng thời cũng bằng quyền lực nhà nước, nhà nước đảm bảo cho các quy phạm do mình đặt ra được thực thi. Việc thực thi pháp luật được áp dụng đối với mọi chủ thể trong nhà nước.

*Thứ năm, Nhà nước có quyền đặt ra các loại thuế và thực hiện các chính sách tài chính*

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách quốc gia dùng để chi trả cho các hoạt động của bộ máy nhà nước, đầu tư cho cơ sở hạ tầng và giải quyết các vấn đề xã hội cũng như để tích lũy. Việc quy định về các loại thuế và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia là trách nhiệm của Nhà nước. Thiếu thuế nhà nước không thể tồn tại được. Chỉ có Nhà nước mới có quyền quy định và thu các loại thuế, bởi nhà nước là đại diện chính thức của toàn xã hội.

Một trong những điểm phân biệt quyền lực nhà nước với các loại quyền lực khác là ở chỗ, quyền lực nhà nước được tổ chức thành một hệ thống thiết chế và có khả năng sử dụng các công cụ của Nhà nước để buộc các giai cấp, tầng lớp xã hội khác phục tùng ý chí của giai cấp thống trị. Nhà nước có cả một hệ thống các cơ quan bạo lực để đảm bảo cho việc thực hiện sức mạnh cưỡng chế nhằm phục vụ cho lợi ích giai cấp của mình.

Quyền lực nhà nước không chỉ thể hiện ý chí của giai cấp thống trị mà còn thể hiện cả ý chí chung của toàn xã hội. Nhà nước với tư cách là một tổ chức quyền lực công phải giải quyết nhiều vấn đề nảy sinh trong xã hội vì lợi ích chung và sự phát triển của toàn xã hội. Sự tác động của Nhà nước đến quá trình phát triển của xã hội được thể hiện thông

qua việc đề ra chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển của đất nước trong từng giai đoạn và tổ chức thực hiện.

Quyền lực nhà nước gồm có ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

(i) Quyền lập pháp là quyền làm ra Hiến pháp và luật, do cơ quan lập pháp thực hiện. Cơ quan lập pháp ở các nước khác nhau có tên gọi khác nhau và cách thức tổ chức cũng khác nhau;

(ii) Quyền hành pháp là một bộ phận cấu thành của quyền lực nhà nước, có nhiệm vụ thực thi pháp luật, đưa pháp luật vào tổ chức xã hội và quản lý xã hội. Quyền hành pháp do một bộ máy hành chính nhà nước phức tạp trải rộng từ trung ương tới địa phương thực hiện;

(iii) Quyền tư pháp có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật do cơ quan tư pháp thực hiện.

Mối quan hệ giữa ba bộ phận quyền lực này ở các nước không giống nhau (do có thể chế chính trị khác nhau) nên cách biểu hiện cũng phản ánh các mức độ khác nhau. Trong khi ở các nước tư bản, quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc “tam quyền phân lập” với những biến thể khác nhau, thì ở các nước xã hội chủ nghĩa (như ở nước ta), ba nhánh quyền lực này lại không tổ chức theo hướng độc lập và đối trọng với nhau, mà chỉ có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, cách thức tổ chức quyền lực này tạm gọi là nguyên tắc “phân – hợp – kiểm” (phần này nếu muốn đề lại thì chuyển lên dấu hiệu đầu tiên).

### 1.1.3. Chức năng của Nhà nước

Chức năng của Nhà nước là các phương diện hay các mặt hoạt động cơ bản của Nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra cho nhà nước. Chức năng của Nhà nước do bản chất nhà nước cũng như điều kiện tồn tại của Nhà nước quy định.

- Căn cứ vào lĩnh vực tác động của Nhà nước, chức năng của Nhà nước có thể được phân thành: chức năng kinh tế, chức năng xã hội, chức năng trấn áp, chức năng hợp tác quốc tế và chức năng phòng thủ đất nước.
- Căn cứ vào nội dung hoạt động và tính chất quyền năng nhà nước có thể xác định các chức năng của Nhà nước bao gồm 3 chức năng: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong đó, chức năng lập pháp: xây dựng, ban hành pháp luật; chức năng hành pháp: tổ chức thực hiện pháp luật; và chức năng tư pháp: bảo vệ pháp luật.
- Căn cứ vào phạm vi tác động, chức năng nhà nước được phân thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại. Đây là tiêu chí xác định chức năng của Nhà nước mang tính chất truyền thống. Trong đó:

#### a. Chức năng đối nội

Là phương diện hoạt động của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Đây là những hoạt động mang tính nội bộ của Nhà nước để giải quyết các vấn đề dân sinh, ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của mình. Chức năng đối nội bao gồm: chức năng chính trị, chức năng kinh tế, chức năng xã hội, chức năng bảo đảm pháp chế.

**b. Chức năng đối ngoại**

Là phương diện hoạt động của Nhà nước trong mối quan hệ với các quốc gia, dân tộc khác. Thông qua các hoạt động như: (1) Thiết lập quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực với các quốc gia khác, (2) Bảo vệ chủ quyền quốc gia, phòng thủ đất nước, chống lại sự xâm lược từ bên ngoài và (3) tham gia các hoạt động quốc tế vì lợi ích chung của cộng đồng như: bảo vệ môi trường, chống khủng bố và các tội phạm quốc tế khác, tham gia các hoạt động cứu trợ vì mục đích nhân đạo...

Chức năng đối ngoại có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Nhà nước, nó hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng đối nội, bảo đảm sự an toàn của Nhà nước trong từng điều kiện cụ thể.

Để thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của mình, nhà nước sử dụng nhiều phương thức khác nhau. Trong đó có các phương thức chủ yếu là: điều chỉnh pháp luật, giáo dục, thuyết phục và cưỡng chế. Ở mỗi kiểu nhà nước khác nhau, gắn với bản chất nhà nước, việc sử dụng các phương thức thực hiện chức năng nhà nước đều có sự khác biệt.

**1.2. Kiểu nhà nước****1.2.1. Khái niệm**

Kiểu nhà nước là các dạng hình thức nhà nước trong lịch sử được phân loại dựa trên những tiêu chí cụ thể. Trong khoa học pháp lý, cách phân loại kiểu nhà nước theo truyền thống là dựa vào sự phân chia các hình thái kinh tế xã hội của Mác.

Kiểu nhà nước là tổng thể những dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản, đặc thù của Nhà nước, thể hiện bản chất của Nhà nước và những điều kiện tồn tại và phát triển của Nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.

Trong lịch sử xã hội loài người đã tồn tại bốn hình thái kinh tế xã hội có giai cấp khác nhau, bao gồm: hình thái kinh tế xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thái kinh tế xã hội phong kiến, hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa và hình thái kinh tế xã hội xã hội chủ nghĩa. Tương ứng và phù hợp với mỗi hình thái kinh tế xã hội đó là một kiểu nhà nước: nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nên tiếp cận phần này theo hướng: nêu ý nghĩa của kiểu nhà nước; cách tiếp cận cho từng kiểu nhà nước như cơ sở kinh tế, kết cấu xã hội, bản chất; quy luật vận động, phát triển của Nhà nước trong lịch sử...

**1.2.2. Các kiểu nhà nước****a. Nhà nước chủ nô**

Nhà nước chủ nô là kiểu nhà nước đầu tiên trong lịch sử nhân loại và là kiểu nhà nước bóc lột đầu tiên xuất hiện trên cơ sở sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy. Về cơ bản, sự ra đời của Nhà nước chủ nô dựa trên cơ sở chế độ chiếm hữu nô lệ sau khi nền kinh tế tự nhiên chuyển sang nền kinh tế sản xuất với các lần phân công lao động xã hội và sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, đồng thời với sự phân hóa xã hội thành các giai cấp, nhưng có sự khác nhau cơ bản giữa các nhà nước chiếm hữu nô lệ ở phương

Đông và phương Tây<sup>13</sup>. Cơ sở kinh tế của Nhà nước chủ nô là dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất (chủ yếu là đất đai) và nô lệ. Chính chế độ tư hữu này đã dẫn đến hệ quả là chế độ người bóc lột người trở nên hết sức dã man, trong đó, chủ nô là người có toàn quyền chiếm đoạt đối với sức lao động của người nô lệ. Cơ sở kinh tế này cũng đã tạo ra một kết cấu xã hội với quan hệ giai cấp mang tính chất gay gắt giữa hai giai cấp có lợi ích và địa vị đối kháng nhau là giai cấp chủ nô và nô lệ. Quan hệ giai cấp gay gắt làm cho chuyên chính giai cấp có tính chất cực đoan hơn, cách mạng xã hội diễn ra nhanh hơn.

Nhà nước chủ nô là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền lực về chính trị, thông qua đó thực hiện quyền lực về kinh tế, bảo vệ chế độ chiếm hữu nô lệ và thực hiện sự bóc lột trực tiếp đối với người nô lệ của giai cấp chủ nô. Nằm trong tay bộ máy nhà nước, giai cấp chủ nô thực hiện sự trấn áp của mình đối với người nô lệ và những người lao động khác trên tất cả các phương diện: kinh tế, chính trị, tư tưởng. “Nhà nước chủ nô bao giờ cũng là một bộ máy đem lại cho chủ nô quyền lực và khả năng cai trị tất cả những người nô lệ... là bộ máy để duy trì những người nô lệ trong địa vị phụ thuộc và cho phép một bộ phận này của xã hội (giai cấp chủ nô) cưỡng bức và đàn áp bộ phận kia (giai cấp nô lệ)”<sup>14</sup>.

### **b. Nhà nước phong kiến**

Nhà nước phong kiến là kiểu nhà nước bóc lột thứ hai trong lịch sử xã hội loài người. Nhà nước phong kiến là công cụ chuyên chế của giai cấp phong kiến đối với nông dân và các tầng lớp lao động khác. Nhà nước phong kiến tồn tại dựa trên cơ sở của chế độ sở hữu phong kiến về ruộng đất và các tư liệu sản xuất như nông cụ, súc vật.

Các nhà nước phong kiến trên thế giới đã ra đời bằng nhiều con đường khác nhau. Ở các nước có chế độ nô lệ tồn tại một cách điển hình, nhà nước phong kiến ra đời trên cơ sở sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ. Ở những nước không có chế độ chiếm hữu nô lệ, nhà nước phong kiến ra đời trên cơ sở sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy trong điều kiện chuyển biến dần của chế độ cộng sản nguyên thủy sang chế độ phong kiến.

Cơ sở kinh tế của Nhà nước phong kiến là quan hệ sản xuất phong kiến được đặc trưng bằng chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu là ruộng đất và sự bóc lột một phần sức lao động của nông dân (thông qua chế độ tô, thuế). Ở các nhà nước phong kiến, phần lớn diện tích đất canh tác nằm trong tay giai cấp địa chủ phong kiến, diện tích đất canh tác thuộc quyền sở hữu của nông dân chiếm tỷ lệ nhỏ, rất nhiều nông dân trong xã hội không có một tấc đất cắm dùi nên phải làm thuê trên diện tích đất của giai cấp địa chủ phong kiến rồi nộp tô, thuế cho giai cấp này và cho nhà nước. Vì thế, quyền lực kinh tế trong xã hội thuộc về giai cấp địa chủ phong kiến và đương nhiên quyền lực chính trị, tinh thần cũng thuộc về giai cấp này.

Cơ sở xã hội của Nhà nước phong kiến, trong xã hội phong kiến có hai giai cấp cơ bản là địa chủ, quý tộc phong kiến và nông dân, trong đó, địa chủ, quý tộc phong kiến chiếm tỷ lệ thiểu số trong dân cư nhưng nắm giữ phần lớn tư liệu sản xuất, có quyền thu tô thuế

<sup>13</sup> Nội dung cơ bản của môn học lý luận chung về nhà nước và pháp luật – TS. Nguyễn Thị Hồi, TS. Lê Vương Long- NXB Giao thông vận tải 2008, tr. 86

<sup>14</sup> V.I. Lenin, tập 39, NXB Tiến bộ M.1977, tr.85

và quản lý nông dân canh tác trên diện tích đất đó, nên trở thành giai cấp thống trị, thành lực lượng nắm giữ quyền lực nhà nước hay lực lượng chủ yếu để tổ chức bộ máy nhà nước và khống chế nó. Còn nông dân chiếm đa số dân cư nhưng không có ruộng đất thuộc sở hữu của mình hoặc sở hữu một tỷ lệ nhỏ diện tích đất canh tác nên phải làm thuê cho địa chủ hoặc quý tộc phong kiến và trở thành giai cấp bị trong xã hội, lực lượng phải phục tùng nhà nước và giai cấp địa chủ phong kiến.

### c. Nhà nước tư sản

Nhà nước tư sản là kiểu nhà nước có nhiều điểm tiến bộ hơn hẳn so với nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến.

Các nhà nước tư sản trên thế giới ra đời trên cơ sở của một cuộc cách mạng hoặc cải biến xã hội do giai cấp tư sản lãnh đạo nhằm thiết lập chính quyền của giai cấp này.

Bản chất của nhà nước tư sản là công cụ thiết lập và bảo vệ chế độ dân chủ tư sản. Theo đó, về mặt pháp lý, mọi quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được thực hiện thông qua cơ quan đại diện hoặc bằng các biện pháp dân chủ trực tiếp. Tuy nhiên, trong xã hội đó, giai cấp tư có lợi thế hơn giai cấp khác về kinh tế nên họ có ưu thế hơn trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Cơ sở kinh tế của Nhà nước tư sản dựa trên chế độ sở hữu tư nhân tư bản về tư liệu sản xuất và chế độ bóc lột bằng thặng dư và lợi nhuận. Song quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã có những biến đổi so với trước đây làm cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện tại là nền kinh tế hỗn hợp, đa thành phần với nhiều hình thức sở hữu khác nhau: sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa cá thể, sở hữu tập thể tư nhân tư bản chủ nghĩa cá thể, sở hữu tư bản nhà nước... mặc dù sở hữu tư nhân vẫn là nền tảng<sup>15</sup>.

Cơ sở xã hội của Nhà nước tư sản: xã hội tư sản gồm hai giai cấp chính là tư sản và công nhân, ngoài ra còn có các giai cấp, tầng lớp khác: nông dân, tiểu thương, trí thức, thợ thủ công,... giai cấp chỉ chiếm một thiểu số trong dân cư nhưng nắm giữ phần lớn tài sản quốc gia, phần lớn tư liệu sản xuất của xã hội, là lực lượng nắm giữ quyền lực kinh tế. Người lao động làm thuê mà chủ yếu là công nhân chiếm đa số dân cư nhưng chỉ nắm giữ phần nhỏ tài sản của xã hội.

Hiện nay, kết cấu giai cấp trong xã hội tư bản đã có nhiều thay đổi. Tuyệt đại đa số dân cư là những người làm thuê, trong đó bộ phận chủ yếu là giai cấp công nhân, song tỷ lệ công nhân trong thương mại và văn phòng ngày càng tăng lên; tỷ lệ công nhân trong công nghiệp và nông nghiệp (công nhân áo xanh) ngày càng giảm đi. Sự thay đổi đáng kể nữa là một bộ phận ngày càng tăng những người lao động đã tham gia vào quan hệ xã hội mặc dù phần tài sản thuộc sở hữu của họ không lớn, nhờ vậy, họ bắt đầu tham gia vào quan hệ quản lý sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm<sup>16</sup>.

<sup>15</sup> Nội dung cơ bản của môn học lý luận chung về nhà nước và pháp luật – TS. Nguyễn Thị Hồi, TS. Lê Vương Long- NXB Giao thông vận tải 2008, tr. 139

<sup>16</sup> Nội dung cơ bản của môn học lý luận chung về nhà nước và pháp luật – TS. Nguyễn Thị Hồi, TS. Lê Vương Long- NXB Giao thông vận tải 2008, tr. 140



Chính sự thay đổi trong cơ sở kinh tế và trong kết cấu giai cấp của Nhà nước tư sản đã dẫn đến sự thay đổi nhất định trong bản chất nhà nước tư sản qua các giai đoạn phát triển của nó.

#### **d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa**

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới có bản chất khác với các kiểu nhà nước trước đó. Nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và thực hiện công bằng xã hội.

Ý tưởng về một xã hội công bằng, nội dung, bác ái đã xuất hiện từ lâu, trên cơ sở nguyện vọng của nhân dân lao động muốn thoát khỏi sự bất công, bạo lực và chuyên chế, ước mơ xây dựng xã hội dân chủ, trong đó những giá trị chân chính của con người được tôn trọng, mọi người đều có điều kiện để tự do phát triển với tất cả năng lực của mình.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Do cách mạng của mỗi nước diễn ra trong điều kiện và hoàn cảnh khác nhau nên sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như việc tổ chức chính quyền sau khi cách mạng thành công cũng không giống nhau. Sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong lịch sử đã diễn ra dưới các hình thức sau: (1) Công xã Paris ra đời trong cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân Paris năm 1871; (2) Nhà nước Xô viết ra đời sau cách mạng tháng Mười Nga năm 1917; (3) Nhà nước dân chủ nhân dân ra đời sau chiến tranh thế giới thứ hai ở châu Âu và Việt Nam; (4) Nhà nước cộng hòa Cu Ba.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình quốc tế đang có những diễn biến mới, phức tạp, nhưng các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn... Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại, cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới.

Học thuyết Mác đã chỉ ra rằng: Sự thay thế kiểu nhà nước này bằng kiểu nhà nước khác trong lịch sử là tất yếu khách quan, phù hợp với quy luật thay thế các hình thái kinh tế xã hội. Đó đồng thời cũng là sự phát triển về mặt tổ chức xã hội và quyền lực xã hội mà nhân loại đã đạt được trên thực tế.

### **1.3. Hình thức nhà nước**

Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và những phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước.

Hình thức nhà nước được tạo thành bởi ba yếu tố: hình thức chính thể nhà nước, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị.

#### **a. Hình thức chính thể**

Hình thức chính thể là cách thức tổ chức và trình tự để lập ra cơ quan mang quyền lực tối cao của Nhà nước và xác lập mối quan hệ giữa các cơ quan đó với nhau và với nhân dân. Lịch sử nhân loại đã biết đến hai hình thức chính thể là chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa.

- *Chính thể quân chủ*: là hình thức chính thể mà ở đó quyền lực tối cao của Nhà nước tập trung toàn bộ hay một phần trong tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế, thường giữ chức vụ suốt đời.

Chính thể quân chủ có hai dạng: chính thể quân chủ tuyệt đối và quân chủ hạn chế, trong đó:

- *Chính thể quân chủ tuyệt đối*, quyền lực tối cao của Nhà nước tập trung toàn bộ trong tay người đứng đầu nhà nước là nhà vua, có quyền lực vô hạn. Việc xác lập hệ thống cơ quan tối cao của Nhà nước và mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan nhà nước do vua quyết định. Hình thức chính thể này tồn tại chủ yếu ở các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến.
- *Chính thể quân chủ hạn chế* là hình thức mà ở đó quyền lực tối cao của Nhà nước nằm một phần trong tay người đứng đầu nhà nước, phần còn lại của quyền lực tối cao của Nhà nước thuộc về quan đại diện. Cách thiết kế tổ chức quyền lực như vậy nhằm hạn chế quyền lực của nhà vua, tạo phương thức kiểm soát, chia sẻ quyền lực. Trong các nhà nước tư sản ngày nay, ngôi vua có tính chất biểu tượng, vua chỉ được coi là thủ lĩnh tinh thần đại diện cho dân tộc, vua trị vì mà không cai trị, không có thực quyền, quyền lực nhà nước chủ yếu được thực hiện bởi Nghị viện, Chính phủ và Tòa án dựa trên cơ chế phân chia quyền lực.

Ngày nay, ở các quốc gia có hình thức chính thể quân chủ thì chính thể quân chủ lập hiến là hình thức tồn tại phổ biến. Vua trong các nhà nước có hình thức chính thể quân chủ không có quyền lực tuyệt đối, vụ trị vì nhưng không cai trị. Hiện tại các quốc gia: Anh, Na Uy, Thụy Điển, Bỉ, Đan Mạch, Nhật Bản, Thái Lan... được tổ chức theo hình thức chính thể quân chủ lập hiến.

- *Chính thể cộng hòa*: là chính thể mà cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất được lập ra bởi nhân dân theo con đường bầu cử, hoạt động theo nhiệm kỳ.

Chính thể cộng hòa có hai dạng cơ bản là cộng hòa quý tộc và cộng hòa dân chủ, trong đó cộng hòa quý tộc có cơ quan quyền lực cao nhất được lập ra từ và bởi giới quý tộc, cộng hòa dân chủ thì cơ quan đó được lập ra bởi nhân dân. Cộng hòa quý tộc tồn tại trong thời kỳ chiếm hữu nô lệ, cộng hòa phong kiến tồn tại trong thời kỳ cuối chế độ phong kiến (chỉ tồn tại ở các thành thị). Cộng hòa dân chủ đã từng tồn tại ngay trong nhà nước chủ nô (cộng hòa dân chủ chủ nô ở Athen) và phát triển hơn ở các nhà nước sau này với các hình thức rất đa dạng, phức tạp.

Chính thể cộng hòa ở nhà nước tư sản có ba hình thức cơ bản là: Cộng hòa đại nghị (cộng hòa nghị viện), cộng hòa tổng thống và cộng hòa lưỡng tính (cộng hòa hỗn hợp).

- *Chính thể cộng hòa đại nghị* (cộng hòa nghị viện) là hình thức mà quyền lực tối cao của Nhà nước bao gồm quyền lập pháp và tập trung ở cơ quan đại diện đại biểu của nhân dân được hình thành thông qua con đường bầu cử. Nguyên thủ quốc gia là tổng thống do nghị viện bầu ra và có rất ít quyền lực. Trung tâm của quyền lực là thủ tướng vì thủ tướng là thủ lĩnh của phe đa số trong nghị viện. Chính phủ chỉ chịu trách nhiệm trước nghị viện, có thể bị nghị viện bỏ phiếu bất tín nhiệm và khi đó chính phủ phải từ chức tập thể. Về hình thức pháp lý, quyền tham gia bầu

cử để lập ra cơ quan đại diện (cơ quan quyền lực) của Nhà nước thuộc về các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Cộng hòa đại nghị được tổ chức ở những nhà nước có nguyên thủ quốc gia do nghị viện bầu ra, Chính phủ do thủ tướng đứng đầu không chịu trách nhiệm trước nguyên thủ quốc gia mà chịu trách nhiệm trước nghị viện. Thực chất nguyên thủ quốc gia không tham gia vào việc lãnh đạo quốc gia, không có quyền đích thực ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Nguyên thủ quốc gia gắn liền với nhiệm vụ có tính chất đại diện cho nhà nước. Ví dụ như Cộng hòa liên bang Đức, Cộng hòa Italia.

- *Chính thể cộng hòa tổng thống* là hình thức mà nguyên thủ quốc gia là tổng thống, do cử tri bầu, vừa đứng đầu nhà nước, vừa đứng đầu chính phủ có quyền tự mình chỉ định các thành viên của chính phủ mà không phụ thuộc vào phe phái nào trong nghị viện, có quyền phủ quyết các dự án luật mà nghị viện đã thông qua. Chính phủ chỉ chịu trách nhiệm trước tổng thống. Giữa hành pháp và lập pháp là độc lập và không chịu trách nhiệm trước nhau. Nghị viện do cử tri bầu, nắm quyền lập pháp. Trên thực tế, tổng thống như một ông vua có nhiệm kỳ. Ví dụ như Hoa Kỳ là một chính thể điển hình của hình thức này.

Tại các quốc gia tổ chức theo hình thức chính thể cộng hòa tổng thống bộ máy hành pháp không do lập pháp lập nên, không phải chịu trách nhiệm trước lập pháp. Lập pháp, hành pháp đều do nhân dân trực tiếp bầu ra và cùng chịu trách nhiệm trước nhân dân. Về mặt nhân sự, người được bổ nhiệm để đảm nhiệm chức vụ trong hệ thống hành pháp sẽ không được phép làm nghị sĩ (làm việc ở cơ quan lập pháp) và ngược lại. Việc áp dụng nguyên tắc phân quyền này đã tạo ra cơ chế kiểm chế và đối trọng giữa lập pháp và hành pháp, qua đó, không cơ quan nào được phép lợi dụng quyền lực nhà nước.

- Cộng hòa lưỡng tính (cộng hòa hỗn hợp): có sự pha trộn giữa hai hình thức trên, trong đó nguyên thủ quốc gia là tổng thống do cử tri bầu ra theo nhiệm kỳ, là người đứng đầu nhà nước nhưng không đứng đầu hành pháp (quyền này thuộc về thủ tướng), có quyền lực khá lớn như có quyền tham gia thành lập và kiểm soát chính phủ, có quyền giải tán nghị viện trước nhiệm kỳ nhưng không có quyền phủ quyết các dự luật mà nghị viện đã thông qua. Ví dụ như Cộng hòa Pháp hay Liên bang Nga.

Do sự tác động của nhiều yếu tố mà trong thực tế, ở mỗi kiểu nhà nước, các hình thức chính thể có thể có những biến dạng nhất định.

Hình thức cấu trúc nhà nước là sự cấu tạo nhà nước theo các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập mối quan hệ qua lại giữa chính quyền nhà nước các cấp. Nói khác đi, hình thức cấu trúc nhà nước là cách tổ chức quyền lực nhà nước theo chiều dọc giữa các đơn vị hành chính lãnh thổ quốc gia để tổ chức vận hành quyền lực nhà nước.

Cơ sở để cấu trúc đơn vị hành chính trong một nhà nước là dựa vào điều kiện tự nhiên, xã hội thực tế và các giá trị về mặt truyền thống lịch sử.

## b. Hình thức cấu trúc nhà nước

Có hai hình thức cấu trúc nhà nước cơ bản là: nhà nước đơn nhất và nhà nước liên bang.

- *Nhà nước đơn nhất* là nhà nước có chủ quyền chung, có hệ thống cơ quan quyền lực và quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương và có các đơn vị hành chính bao gồm: Tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương); huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) và xã (phường, thị trấn). Các nhà nước đơn nhất có thể kể đến là: Việt Nam, Lào, Ba Lan, Pháp ...

Nhà nước đơn nhất có các đặc trưng cơ bản như:

- Có một hệ thống pháp luật. Các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Văn bản của cơ quan nhà nước cấp dưới phải phù hợp với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên;
- Có một hệ thống các cơ quan nhà nước ở trung ương bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, thống nhất thực hiện quyền lực nhà nước trên toàn lãnh thổ quốc gia;
- Lãnh thổ quốc gia được phân chia thành các đơn vị hành chính trực thuộc;
- Công dân chịu sự điều chỉnh của một quy chế pháp.
- *Nhà nước liên bang* là nhà nước do từ hai hay nhiều nước thành viên có chủ quyền hợp lại. Nhà nước liên bang có hai hệ thống cơ quan quyền lực và quản lý, một hệ thống chung cho toàn liên bang và một hệ thống trong mỗi nước thành viên. Nhà nước liên bang có chủ quyền chung đồng thời, mỗi nhà nước là thành viên của liên bang cũng có chủ quyền của riêng mình. Các nhà nước liên bang có thể kể đến là: Hoa Kỳ, Nga, Đức, Canada, Thụy Sĩ, Malaysia...

Việc tổ chức nhà nước của các nước liên bang khác với nhà nước đơn nhất, ở đó có sự phân biệt thẩm quyền giữa liên bang với các nước thành viên. Trong việc tổ chức nhà nước liên bang, vấn đề cơ bản là phân chia quyền lực giữa liên bang với các nước thành viên (các tiểu bang) là sự phân chia quyền lực theo chiều dọc, theo đó:

- Những thẩm quyền đặc biệt chỉ có ở liên bang, chẳng hạn như các quyền: quy định về quan hệ ngoại giao; chính sách ngoại thương; hệ thống tiền tệ; tiêu chuẩn đo lường; cấp bằng sáng chế, quyền tác giả; tuyên bố chiến tranh; thành lập và huấn luyện cảnh sát; tuyên và huấn luyện quân nhân; quản lý các lãnh thổ xâm chiếm...
- Những thẩm quyền đặc biệt của các nước thành viên: tổ chức các cuộc bầu cử; thành lập các cơ quan nhà nước ở địa phương; điều chỉnh các quan hệ thương mại trong phạm vi tiểu bang; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; phê chuẩn các chính lý Hiến pháp liên bang...
- Những thẩm quyền chung của các liên bang và các nước thành viên: Ban hành và tổ chức thi hành các đạo luật; thu thuế; phát hành công trái, thu thuế; thành lập và điều chỉnh hoạt động của hệ thống tòa án; tổ chức thành lập và điều chỉnh hoạt động của các ngân hàng; quản lý tài sản công; quản lý và chi phí cho giáo dục...

Các nước thành viên (các tiểu bang) không được quyền: ký kết các hiệp ước quốc tế; phát hành các loại tiền; thành lập quân đội và chiến hạm trong thời bình; thông qua các đạo luật chống lại liên bang; tước quyền được bảo vệ trước pháp luật của công dân; tước quyền được bỏ phiếu của công dân trên cơ sở màu da, dân tộc; đánh thuế nhập khẩu hàng hóa;...

Như vậy, nhà nước liên bang có các dấu hiệu:

*Một là*, lãnh thổ liên bang được hình thành từ lãnh thổ của nhiều nước thành viên tự nguyện;

*Hai là*, các nhà nước khi trở thành thành viên của nhà nước liên bang thì không còn tồn tại với tư cách là nhà nước theo đúng nghĩa là một nhà nước có chủ quyền nữa, trong lĩnh vực đối ngoại, các nhà nước thành viên hầu như bị tước quyền và cũng không được tự ý rút khỏi liên bang;

*Ba là*, các nhà nước thành viên vẫn có quyền thành lập chính quyền riêng của mình, có Hiến pháp, có hệ thống pháp luật và có hệ thống cơ quan nhà nước trực thuộc. Hiến pháp và hệ thống pháp luật của các nước thành viên phải tương đồng với Hiến pháp và pháp luật của liên bang.

Xu hướng trên thế giới hiện nay đang có xu hướng hoặc là tách các nhà nước liên bang thành các nhà nước đơn nhất đối với các nước chậm phát triển; hoặc là các nước xích lại gần nhau để tạo lập các liên minh kinh tế phục vụ nhu cầu phát triển của các quốc gia.

#### *Liên minh các nhà nước*

Bên cạnh các nhà nước liên bang còn có một dạng cấu trúc nhà nước nữa là nhà nước liên minh. Nhà nước liên minh là nhà nước có sự liên kết tạm thời của các nhà nước với nhau nhằm thực hiện một số mục đích nhất định, sau khi đã đạt được những mục đích đó, nhà nước liên minh có thể giải tán hoặc phát triển thành nhà nước liên bang. Sự liên minh của các nhà nước ở đây chủ yếu là vì những mục đích cụ thể, có tính chất tạm thời. Chẳng hạn: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ giai đoạn 1776 – 1787 là nhà nước liên minh sau đó mới trở thành nhà nước Liên bang<sup>17</sup>. Nếu như Liên bang tồn tại là một cấu trúc nhà nước với đầy đủ ý nghĩa của một nhà nước thì nhà nước liên minh lại không có đầy đủ các đặc thù của Nhà nước.

Giữa các nhà nước liên minh không có Hiến pháp mà chỉ tồn tại các hiệp ước chung thể hiện mục đích của việc thành lập liên minh. Các nhà nước liên minh cũng không có hệ thống tổ chức đầy đủ của bộ máy nhà nước, không có quyền xác lập các mối quan hệ ngoại giao, không có quyền thành lập quân đội riêng...

### **c. Chế độ chính trị**

Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp, thủ đoạn mà giai cấp cầm quyền sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.

Trong lịch sử nhân loại, từ khi xuất hiện nhà nước, giai cấp thống trị đã sử dụng nhiều phương pháp và thủ đoạn khác nhau để thực hiện quyền lực nhà nước. Những phương

---

<sup>17</sup> Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật, trường đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân 2015, tr.37.

pháp và thủ đoạn đó trước hết xuất phát từ bản chất của Nhà nước, đồng thời phụ thuộc vào nhiều yếu tố của mỗi giai đoạn lịch sử trong ở mỗi quốc gia cụ thể. Các phương pháp, thủ đoạn mà các giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước thường ở hai dạng: dân chủ và phản dân chủ. Thực tế lịch sử nhân loại đã chứng minh, kết quả việc sử dụng hai nhóm phương pháp thực thi quyền lực này đem lại hệ quả xã hội rất khác nhau.

- *Phương pháp dân chủ* là phương pháp tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật, các chủ thể pháp luật bình đẳng với nhau khi tham gia vào các công việc của nhà nước.

Phương pháp dân chủ trong thực thi quyền lực nhà nước có đặc trưng là đề cao quyền lực thuộc về số đông nhân dân lao động, không ngừng mở rộng khả năng tham gia của người dân vào đời sống chính trị của đất nước. Với ý nghĩa đó, dân chủ vừa là bản chất của quyền lực đồng thời là phương pháp để thực thi quyền lực trên thực tế. Các phương pháp dân chủ được nhà nước sử dụng chủ yếu như giáo dục, thuyết phục, trao quyền, nhượng bộ, thỏa hiệp...<sup>18</sup>

Việc sử dụng phương pháp dân chủ trong thực thi quyền lực nhà nước dẫn đến hệ quả xã hội là xác lập nên một chế độ dân chủ.

- *Phương pháp phản dân chủ* trong thực thi quyền lực nhà nước có đặc trưng là sự áp đặt ý chí chủ quan của giai cấp cầm quyền, từ chối dân chủ, hạn chế khả năng tham gia của nhân dân vào đời sống chính trị cũng như các công việc của Nhà nước. Các phương pháp thực thi quyền lực được sử dụng như: từ chối thỏa hiệp, từ chối nhượng bộ, tước đoạt hoặc hạn chế quyền cơ bản của các chủ thể, đàn áp bằng bạo lực, phân biệt chủng tộc, kỳ thị dân tộc, diệt chủng...<sup>19</sup>

Việc sử dụng phương pháp phản dân chủ trong thực thi quyền lực nhà nước đem lại hệ quả xã hội là hình thành nên một chế độ phản dân chủ.

Hiện nay có quan điểm cho rằng nhà nước đang chuyển dịch theo hướng từ nhà nước cai trị sang nhà nước dịch vụ<sup>20</sup>. Vì nhà nước có chức năng tổ chức, quản lý trật tự công nên mọi hoạt động của Nhà nước đều được coi là các dịch vụ công. Nhà nước với tư cách là người đại diện cao nhất của nhân dân thì toàn bộ sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước, trong đó có hoạt động hành chính công. Suy cho cùng đều nhằm mục tiêu thực hiện và bảo đảm lợi ích chung của xã hội.

---

<sup>18</sup> Nội dung cơ bản của môn học lý luận chung về nhà nước và pháp luật – TS. Nguyễn Thị Hồi, TS. Lê Vương Long- NXB Giao thông vận tải 2008, tr. 51

<sup>19</sup> Nội dung cơ bản của môn học lý luận chung về nhà nước và pháp luật – TS. Nguyễn Thị Hồi, TS. Lê Vương Long- NXB Giao thông vận tải 2008, tr. 51

<sup>20</sup> Nguyễn Đăng Dung, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội – Hình thức của các nhà nước đương đại, NXB Thế Giới, HN 2004, tr 25



## TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

- Nhà nước là tổ chức quyền lực đặc biệt của xã hội, bao gồm một lớp người được tách ra từ xã hội để chuyên thực thi quyền lực, nhằm tổ chức và quản lý xã hội, phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội cũng như lực lượng cầm quyền trong xã hội.
- Bản chất nhà nước là tổng thể những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ cơ bản bên trong, tương đối ổn định và có tính quy định đối với sự ra đời, tồn tại, khuynh hướng phát triển của Nhà nước. Thông thường, khi xem xét bản chất của Nhà nước người ta thường xem xét các thuộc tính và mối liên hệ giữa hai thuộc là tính giai cấp và tính xã hội.
- Chức năng của Nhà nước là các phương diện hay các mặt hoạt động cơ bản của Nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra cho nhà nước. Chức năng của Nhà nước do bản chất nhà nước cũng như điều kiện tồn tại của Nhà nước quy định.
- Kiểu nhà nước là tổng thể những dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản, đặc thù của Nhà nước, thể hiện bản chất của Nhà nước và những điều kiện tồn tại và phát triển của Nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.
- Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và những phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước.
- Hình thức nhà nước được tạo thành bởi ba yếu tố: hình thức chính thể nhà nước, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị.

## **BÀI TẬP THỰC HÀNH**

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày nguồn gốc ra đời của Nhà nước?
2. Phân tích bản chất của Nhà nước?
3. Khái niệm hình thức nhà nước?
4. Hình thức chính thể là gì? Xác định hình thức chính thể của Nhà nước Việt Nam?
5. Trình bày các kiểu nhà nước trong lịch sử?
6. Khái niệm quyền lực nhà nước? Xác định các mặt quyền lực nhà nước?
7. Trình bày về các cách thức tổ chức quyền lực nhà nước?

### **CÂU HỎI ĐÚNG/SAI**

1. Nhà nước xuất hiện khi xã hội đã phân hóa giai cấp.
2. Nhà nước chỉ bảo vệ quyền và lợi ích của giai cấp thống trị.
3. Nhà nước Việt Nam có hình thức chính thể quân chủ.
4. Bất kỳ nhà nước nào cũng đều phải tuân tự trải qua các kiểu nhà nước từ Chủ nô đến Phong kiến, Tư bản chủ nghĩa và cuối cùng là Xã hội chủ nghĩa.
5. Tương ứng với mỗi hình thái xã hội là một kiểu nhà nước.

### **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

1. Căn cứ vào phạm vi hoạt động chủ yếu của Nhà nước thì chức năng của Nhà nước bao gồm những chức năng gì?
  - A. Chức năng bảo vệ và phát triển đất nước.
  - B. Chức năng đối nội và chức năng bảo vệ.
  - C. Chức năng đối ngoại và chức năng phát triển đất nước.
  - D. Chức năng đối nội và đối ngoại.

Đáp án đúng là: D. Chức năng đối nội và đối ngoại.

Vì: Chức năng của Nhà nước là những phương diện hoạt động cơ bản, quan trọng của nhà nước, phù hợp với bản chất, mục đích, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Chức năng của nhà nước bao gồm: Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại, cách phân chia này là dựa trên cơ sở coi các lĩnh vực của đời sống xã hội là khách thể của quản lý nhà nước và mục đích, yêu cầu quản lý nhà nước theo từng thời kỳ.

2. Trong hệ thống quyền lực nhà nước, nội dung quyền tư pháp được thể hiện thông qua hoạt động nào sau đây?
  - A. Xét xử những chủ thể vi phạm pháp luật.
  - B. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật do Tòa án nhân dân tối cao ban hành.
  - C. Tư vấn cho Quốc hội trong quá trình soạn thảo Hiến pháp và các đạo luật.
  - D. Ban hành ra các văn bản quy phạm pháp luật.

Đáp án đúng là: A. Xét xử những chủ thể vi phạm pháp luật.

Vì: Quyền tư pháp là một trong ba nội dung của quyền lực nhà nước. Theo đó, quyền tư pháp có nội dung bao gồm: Xét xử những chủ thể vi phạm pháp luật; Giải quyết các tranh chấp xảy ra trong xã hội; Bảo vệ pháp luật, công lý, tự do của công dân và trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật do Tòa án nhân dân tối cao ban hành là nội dung của quyền hành pháp.

- Tư vấn cho Quốc hội trong quá trình soạn thảo Hiến pháp và các đạo luật và Ban hành ra các văn bản quy phạm pháp luật là nội dung của quyền lập pháp, không phải quyền tư pháp.

3. Hoạt động giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các lĩnh vực khác nhau trong xã hội thuộc nhóm quyền lực nào trong hệ thống quyền lực nhà nước?

- A. Quyền lập pháp
- B. Quyền hành pháp
- C. Quyền tư pháp
- D. Quyền xét xử

Đáp án đúng là: C. Quyền tư pháp.

Vì: Quyền tư pháp là quyền bảo vệ luật pháp, đảm bảo cho pháp luật được thực hiện, xét xử những chủ thể vi phạm pháp luật, giải quyết các tranh chấp xảy ra trong xã hội; bảo vệ pháp luật, công lý, tự do của công dân và trật tự an toàn xã hội vì vậy hoạt động giải quyết tranh chấp phát sinh trong xã hội là hoạt động thuộc nhóm quyền tư pháp.

4. Chức năng đối nội của Nhà nước được thể hiện thông qua hoạt động nào sau đây?

- A. Bảo vệ đất nước chống sự xâm lăng của nước ngoài.
- B. Phòng thủ đất nước.
- C. Thiết lập mối quan hệ bang giao với các quốc gia khác.
- D. Phát triển kinh tế đất nước theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

Đáp án đúng là: D. Phát triển kinh tế đất nước theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

Vì: Chức năng đối nội là những mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước trong nội bộ đất nước, trong đó việc phát triển kinh tế đất nước theo những định hướng nhất định là một trong số những chức năng đối nội về phương diện kinh tế của mỗi nhà nước.

Các chức năng: Phòng thủ đất nước, bảo vệ đất nước chống sự xâm lăng của nước ngoài, thiết lập mối quan hệ bang giao với các quốc gia khác là hoạt động của nhà nước trong quan hệ với các nước láng giềng trên thế giới, tức là hoạt động thuộc chức năng đối ngoại, không thuộc hoạt động nội bộ đất nước.

5. Khác với Nhà nước, tổ chức thị tộc phân chia dân cư theo:

- A. quan hệ huyết thống.
- B. trật tự, thứ bậc quyền lực.
- C. lãnh thổ.
- D. đơn vị hành chính.

Đáp án đúng là: A. quan hệ huyết thống.

Vì: Đặc trưng của Nhà nước là phân chia dân cư theo lãnh thổ, đơn vị hành chính; còn trong thời kỳ công xã nguyên thủy (thời kỳ chưa có Nhà nước) thì những người cùng chung huyết thống cùng sinh sống trong những thị tộc, bộ lạc → xã hội phân chia dân cư theo quan hệ huyết thống.